

Số: **180/2022/QĐST-HNGĐ**

Quận H, ngày 12 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **164/2022/TLST-VHNGĐ** ngày 01/4/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa những người yêu cầu:

+ **Chị Phạm Thị Ngọc L**; sinh năm 1970

HKTT và nơi cư trú: Số 27-A1 khu Đ, phường B, quận H, thành phố H.

+ **Anh Trần Hữu M**; sinh năm 1967

HKTT và nơi cư trú: Số 27-A1 khu Đ, phường B, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 6 năm 1991 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các nội dung: tài sản chung, công nợ chung, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 04/4/2022.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M.

1.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M xác nhận có hai con chung là Trần Thị Kim T, sinh ngày 06/11/1991 và Trần Hữu Trung K, sinh ngày 05/8/1996. Hai con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xét.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về công nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Trần Hữu M xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để chị L chịu toàn bộ lệ phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012311 ngày 29/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường P, TP N, tỉnh N
(Nơi ĐKKH ngày 28/6/1991);
- Các đương sự; Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Thị Thu H